CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí

Ngày 30/09/2025	3,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**-6.1%**	**14.8%**

DT thuần
Q3/25
347
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122| 54.1%
YoY: ▲ 235| 210%

LN thuần
Q3/25
4.18
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.11| 2.7%
YoY: ▲ 1.65| 65.2%

LN sau thuế
Q3/25
3.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.19| -4.7%
YoY: ▲ 2.30| 158%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.1%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE (TTM)
Q3/25
14.0%
YoY: +/-▲ 1.5%

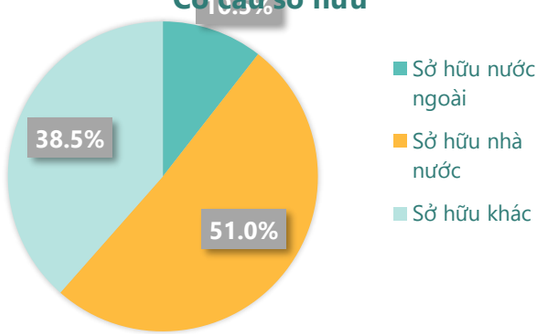
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,300 - 3,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	186
Số lượng CPLH (CP)	60,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	36,325
Sở hữu nước ngoài	10.5%
Beta	0.09
EPS	285
P/E	10.9

DT thuần
9T 2025
773
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 377| 95.4%

LN thuần
9T 2025
11.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.58| 176%

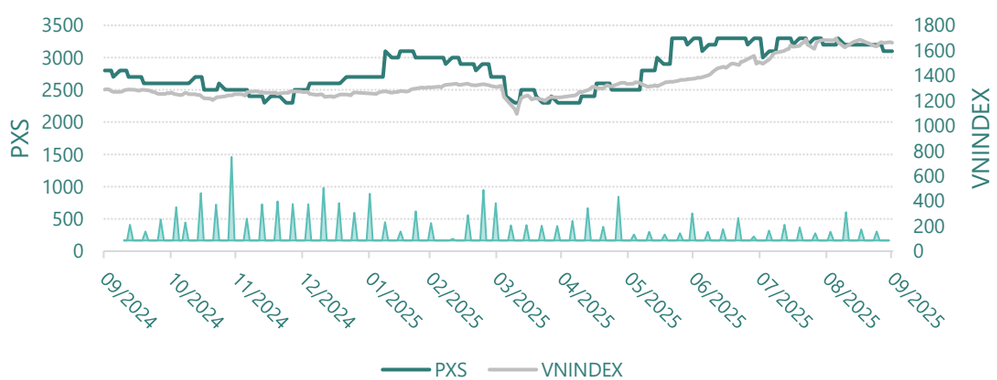
LN sau thuế
9T 2025
11.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.11| 171%

Cơ cấu sở hữu

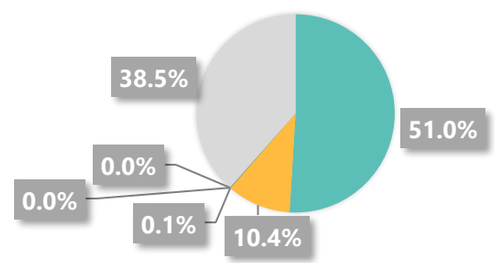


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



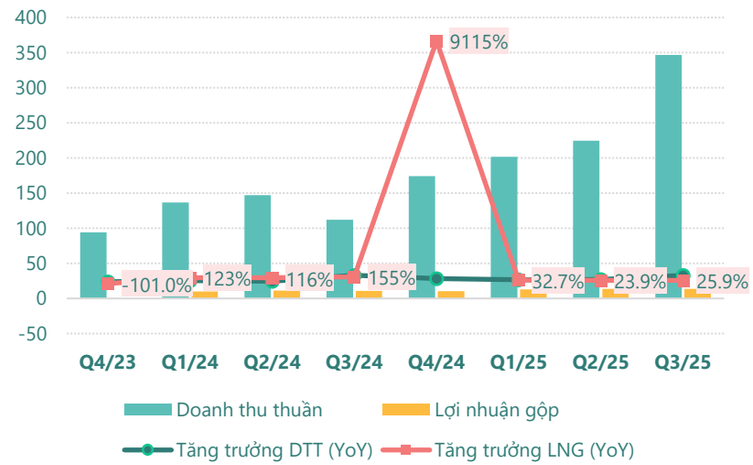
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

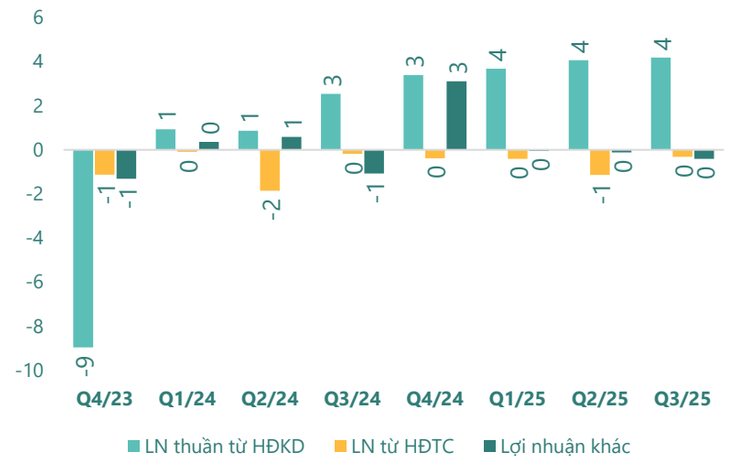
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



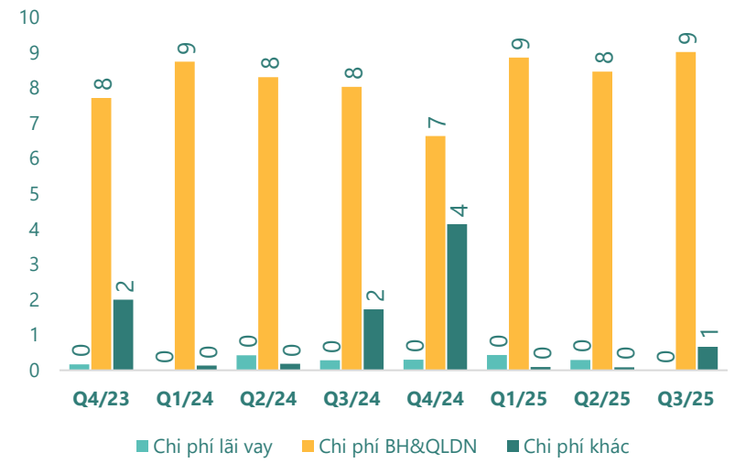
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



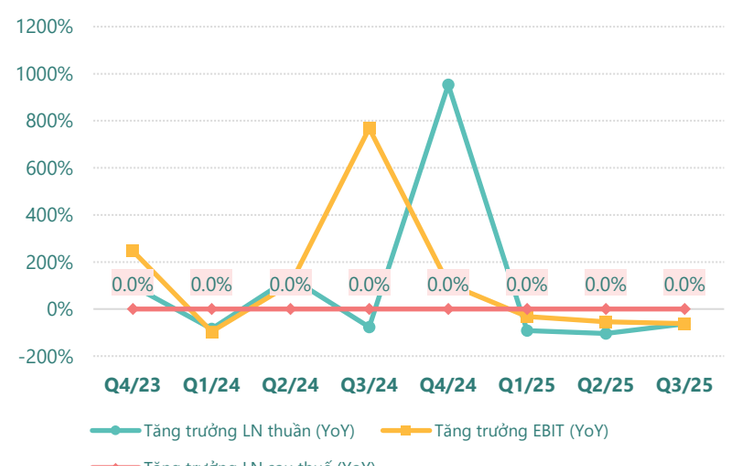
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



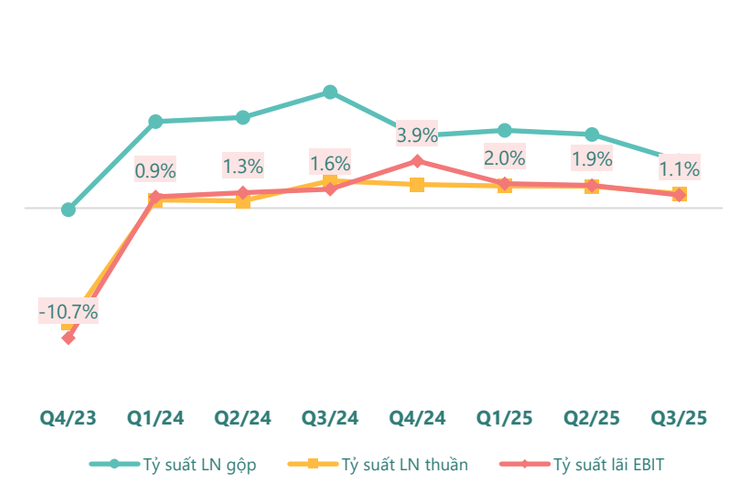
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



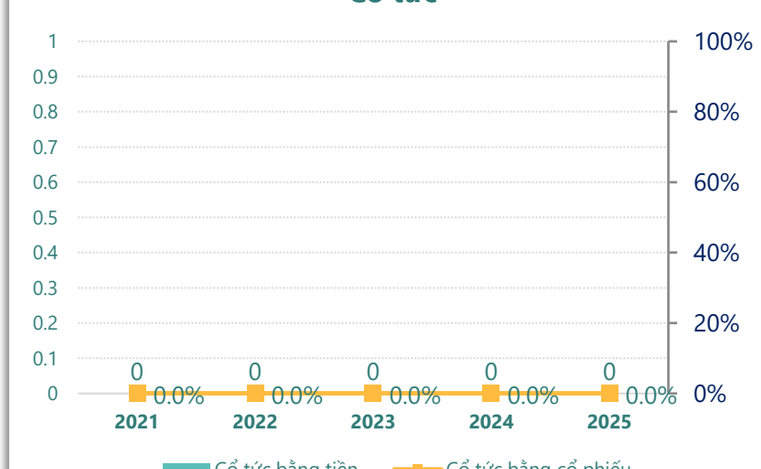
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

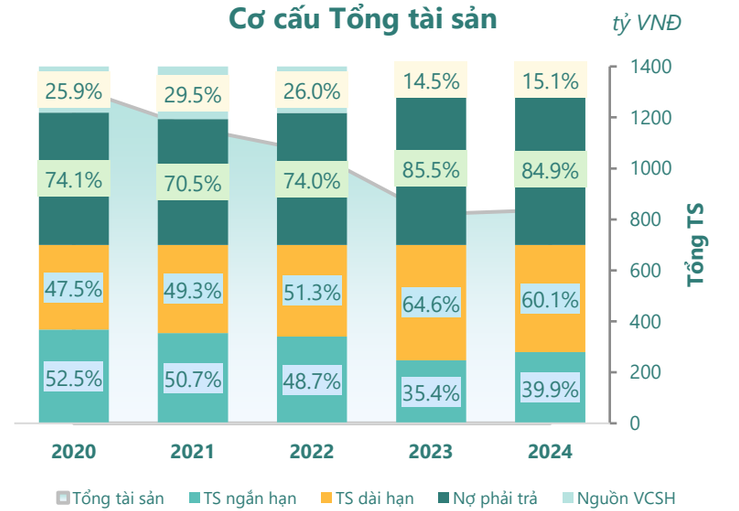
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

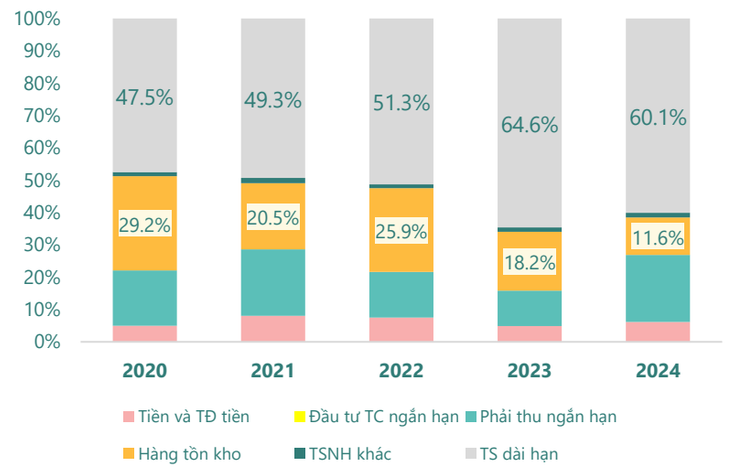
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



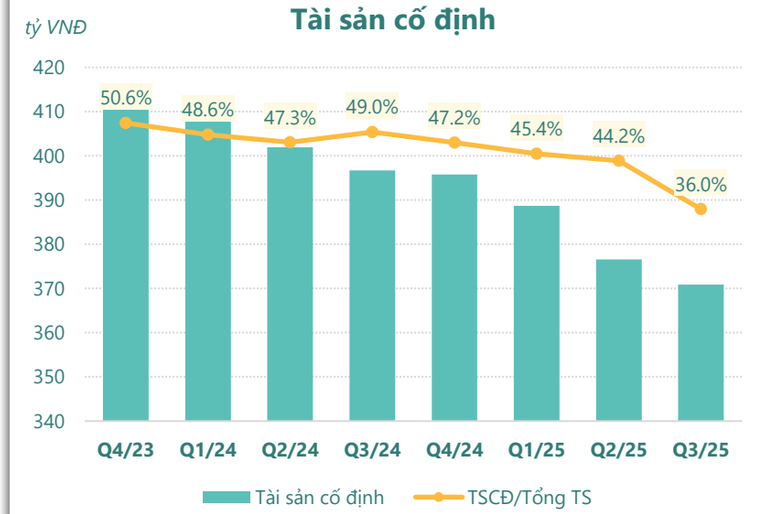
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



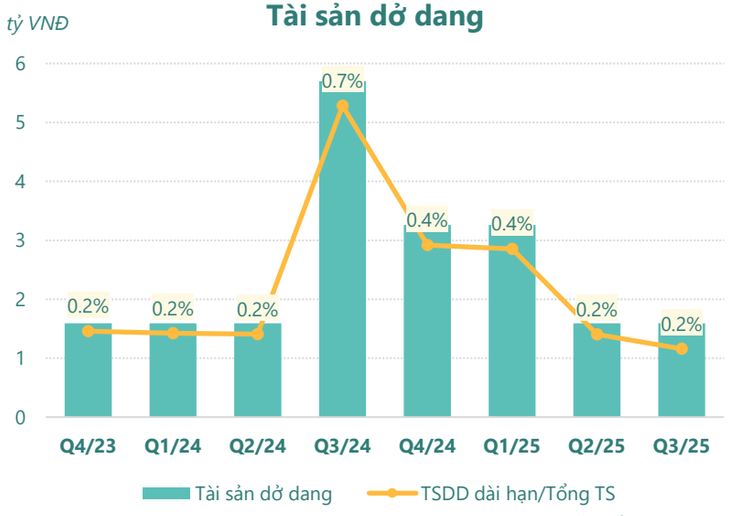
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



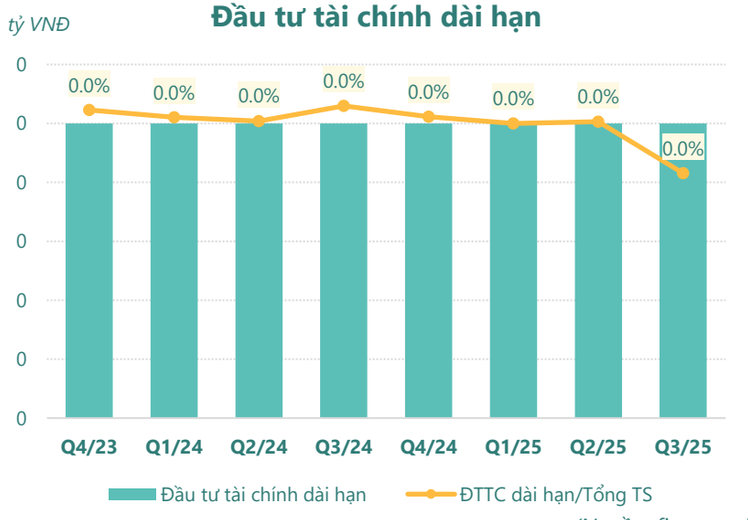
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



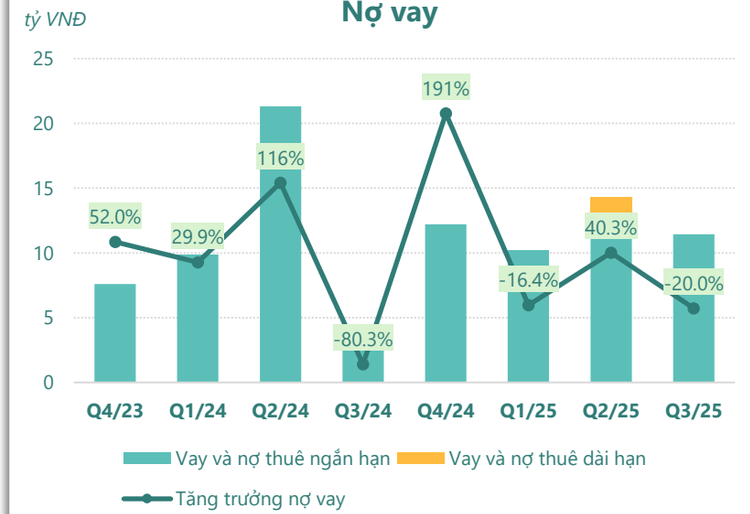
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

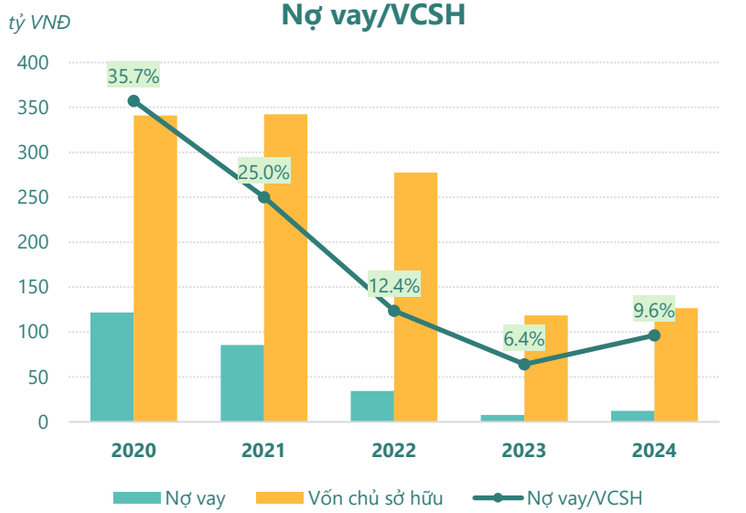
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

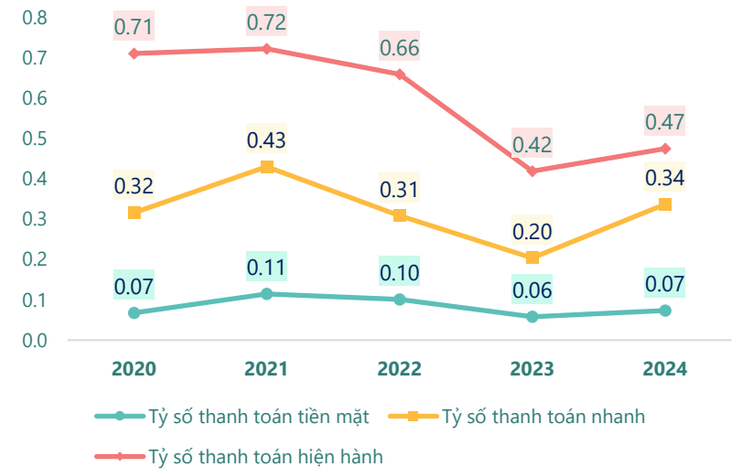
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



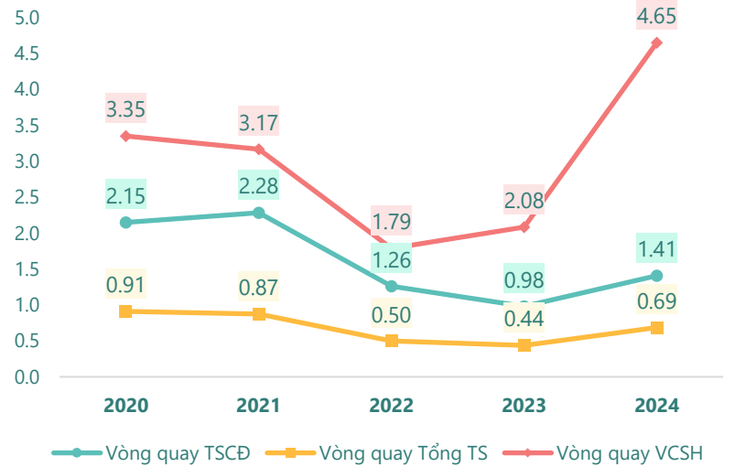
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



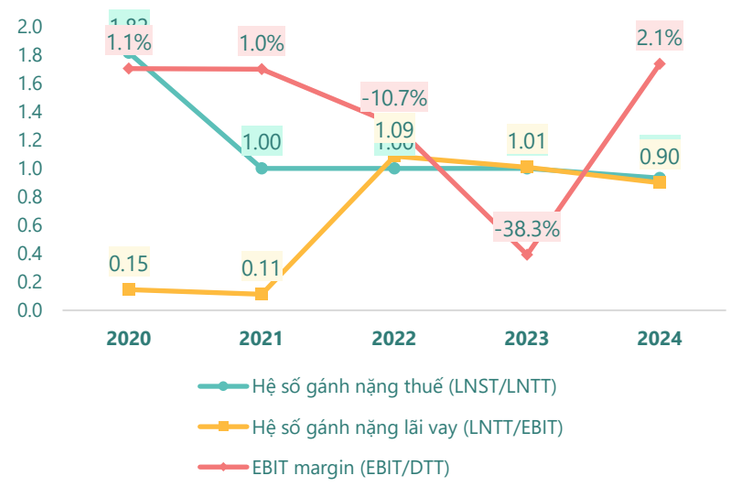
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



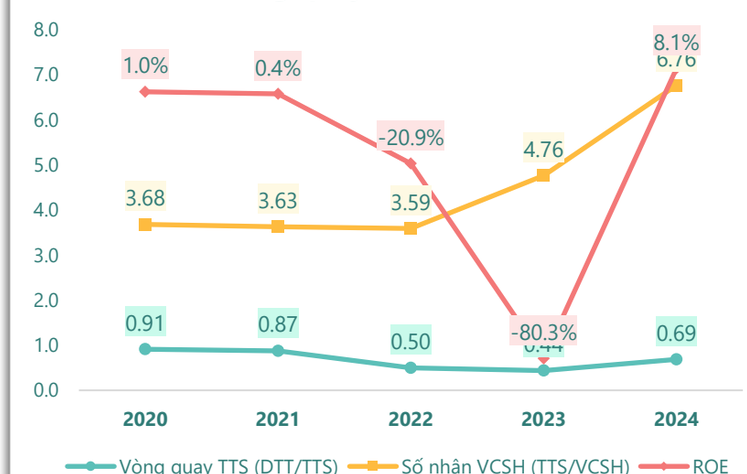
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



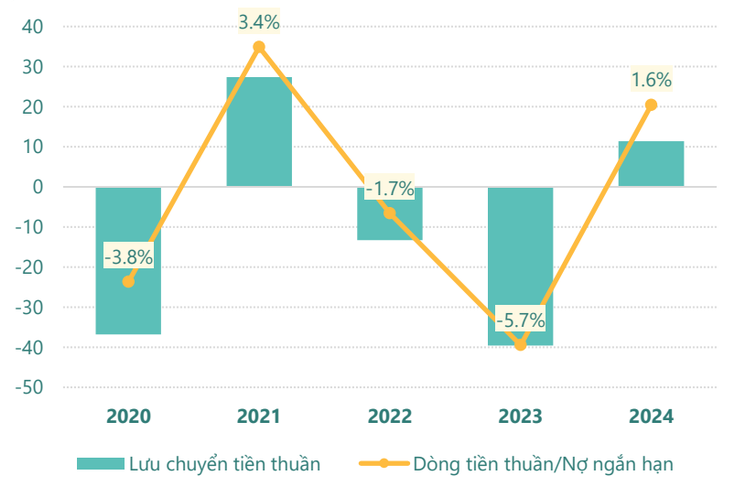
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**347**	**112**	**210%**	**773**	**396**	**95.4%**
Giá vốn hàng bán	333	101	230%	733	364	101%
Lợi nhuận gộp	13.5	10.7	26.4%	40.2	31.5	27.3%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.13	-81.5%	0.25	0.31	-18.0%
Chi phí TC	0.35	0.31	12.0%	2.13	2.45	-13.0%
Chi phí lãi vay	0	0.29	-100%	0.73	0.71	2.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**9.02**	**8.03**	**12.4%**	**26.4**	**25.1**	**5.1%**
LN thuần từ HĐKD	4.18	2.53	65.2%	11.9	4.32	176%
Lợi nhuận khác	**-0.42**	**-1.07**	**61.0%**	**-0.58**	**-0.13**	**-360%**
LN trước thuế	3.76	1.46	158%	11.3	4.19	171%
Lợi nhuận sau thuế	**3.76**	**1.46**	**158%**	**11.3**	**4.19**	**171%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.76**	**1.46**	**158%**	**11.3**	**4.19**	**171%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.9	-33.9	19.1	-11.2	41.8	-56.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.09	-0.21	-6.37	-0.18	-2.77	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.4	-17.1	8.01	-2.00	4.11	-2.87
Tiền đầu kỳ	25.6	82.0	30.8	51.6	38.2	81.3
Lưu chuyển tiền thuần	**56.4**	**-51.2**	**20.7**	**-13.4**	**43.1**	**-59.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	82.0	30.8	51.5	38.2	81.3	21.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,031**	**838**	**23.1%**
Tài sản ngắn hạn	561	335	67.7%
Tiền và tương đương tiền	21.7	51.6	-58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.87	0	
Phải thu ngắn hạn	333	174	91.8%
Hàng tồn kho	193	97.4	98.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	12.0	-15.9%
Tài sản dài hạn	**471**	**503**	**-6.5%**
Phải thu dài hạn	0.83	0.94	-11.0%
Tài sản cố định	371	396	-6.3%
Bất động sản đầu tư	13.0	11.4	14.2%
Tài sản dở dang	1.59	3.26	-51.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**84.2**	**91.9**	**-8.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	911	711	28.1%
Nợ ngắn hạn	**911**	**704**	**29.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.5	12.2	-6.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	593	551	7.7%
Nợ dài hạn	0.68	6.75	-89.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**120**	**127**	**-5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**120**	**127**	**-5.1%**
Vốn điều lệ	600	600	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)